TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/DS-ST
Ngày: 16-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Mai Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Vui;

2. Ông Trần Hữu Thiện.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Hoàng Liêm – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Đặng Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 799/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp T, xã D, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Tạ Minh T1; sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã D, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10-10-2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, Bà Trần Thị T trình bày:*

Ngày 17-12-2020, bà có cho ông Tạ Minh T1 vay số tiền 33.000.000 đồng, ông T1 hẹn bà 17-3-2021 sẽ trả hết số tiền đã mượn, đến ngày hẹn bà có nhắc nhưng ông T1 không trả tiền cho bà và hẹn lần lượt, đến năm 2022 bà có gởi đơn đến văn phòng ấp để hoà giải, tại đây ông T1 có hứa sẽ trả cho bà mỗi tháng 2.000.000 đồng, tính đến nay ông T1 đã trả cho bà được 8.000.000 đồng (trả nhiều lần, lần trả sau cùng cách nay khoảng hơn 01 năm). Hiện ông T1 còn thiếu bà số tiền 25.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông T1 trả cho bà số tiền

25.000.000 đồng tiền gốc và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày hoà giải ở địa phương 27-02-2022 cho đến nay. Bà xác nhận có nhận 05 bình rượu của ông T1 trị giá 550.000 đồng. Tại phiên toà bà xác nhận và đồng ý khấu trừ 10 bình rượu trị giá 1.200.000 đồng vào tiền lãi.

Bị đơn: Ông Tạ Minh T1 trình bày:

Ông có viết giấy nợ cho bà T số tiền 33.000.000 đồng, bà T thoả thuận trả tiền lãi mỗi tháng 1.500.000 đồng, ông đã trả cho bà T 1.500.000 đồng, trả bằng rượu 10 bình tương đương 1.500.000 đồng. Sau đó ông không có khả năng trả tiền cho bà T nên ông xin trả tiền gốc và ông đã trả được 8.000.000 đồng. Hiện ông chỉ còn thiếu số tiền 25.000.000 đồng. Ông đồng ý trả cho bà T số tiền 25.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì thời hạn đã quá 3 năm, ông đề nghị áp dụng thời hiệu. Ông yêu cầu trừ số tiền 1.500.000 đồng cho ông.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 BLDS; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông T1 có trách nhiệm trả cho bà T tiền nợ gốc 25.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật. Khấu trừ số tiền 1.200.000 đồng mà bà T còn nợ tiền rượu của ông T1.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ông Tạ Minh T1 có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 25.000.000 đồng và tiền lãi. Ông Tân sinh S tại ấp T, xã D, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T yêu cầu ông Tạ Minh T1 trả số tiền gốc 25.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 17-12-2020, bà Trần Thị T và ông Tạ Minh T1 có xác lập quan hệ vay tài sản, theo đó bà T cho ông T1 vay số tiền 33.000.000 đồng, có lập giấy vay tiền. Ông T1 thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền và không có ý kiến tranh chấp về việc xác lập hợp đồng vay cũng như số tiền đã vay.

Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn, bên vay phải hoàn trả tài sản cho bên cho vay, do ông T1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho bà T nên bà khởi kiện là có căn cứ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 đã trả cho bà T tổng cộng 8.000.000 đồng tiền gốc, việc này được cả hai bên thống nhất xác nhận tại phiên tòa. Như vậy có cơ sở xác định số tiền gốc ông T1 còn nợ bà T là 25.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc trả tiền lãi và yêu cầu áp dụng thời hiệu của ông Tạ Minh T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2.1] Bà T trình bày khi vay không có thoả thuận lãi suất, ông T1 trình bày lãi suất trả mỗi tháng là 1.500.000 đồng, không bên nào cung cấp được chứng cứ chứng minh về lãi suất. Ngày 27-02-2022 bà T gởi đơn yêu cầu văn phòng Ấ và yêu cầu ông T1 trả tiền cho bà. Căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự thì từ ngày bà yêu cầu được tính lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm.

[2.2.2] Đối với ý kiến của ông T1 cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện, thấy rằng: Như phân tích trên, ngày 27-02-2022 bà T có làm đơn yêu cầu ông T1 trả nợ và hứa mỗi tháng trả 2.000.000 đồng và ông T1 cũng thừa nhận có trả dần tiền gốc cho bà T được 8.000.000 đồng và trả tiền lãi bằng cách trừ vào tiền rượu. Ông T1 không nhớ trả cho bà T lần cuối vào ngày nào, tại Biên bản hoà giải bà T thì xác nhận ông T1 có trả tiền gốc và tiền lãi cho bà cách nay khoảng hơn một năm ông T1 cũng không có ý kiến gì, bà T cung cấp tin nhắn ông T1 xác nhận có trả 2.000.000 đồng nữa, tổng cộng trả 8.000.000 đồng vào ngày 12-9-2023. Như vậy có căn cứ ông T1 trả tiền cho bà T lần sau cùng là ngày 12-9-2023.

Căn cứ Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015, trường hợp bên có nghĩa vụ thừa nhận toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ thì thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại kể từ thời điểm thừa nhận. Do đó, yêu cầu áp dụng thời hiệu của ông T1 là không có căn cứ chấp nhận**.**

[2.2.3] Tiền lãi được tính từ ngày 28-02-2022 đến ngày xét xử 16-01-2026 là 3 năm 10 tháng 19 ngày x 10%/năm (0,83,33%/tháng) x 25.000.000 đồng = 9.715.000 đồng.

[2.2.4] Ông T1 cho rằng ông có trả lãi cho bà T số tiền 1.500.000 đồng (trừ tiền rượu) nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Bà T xác nhận đã

nhận 10 bình rượu trị giá 1.200.000 đồng và đồng ý trừ vào tiền lãi nên ông T1 còn phải trả cho bà T số tiền 8.515.000 đồng. Tổng số tiền ông T1 phải trả cho bà T 33.515.000 đồng, trong đó tiền gốc là 25.000.000 đồng, tiền lãi là 8.515.000 đồng.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết, nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm

Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T được chấp nhận nên ông Tạ Minh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 là 1.676.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 157, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;;Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Trần Thị T đối với ông Tạ Minh T1.

Buộc ông Tạ Minh T1 phải trả cho bà Trần Thị T tổng số tiền 33.515.000đ (ba mươi ba triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng) trong đó tiền gốc là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, tiền lãi là 8.515.000đ (tám triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tạ Minh T1 phải chịu 1.676.000đ(một triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Mai Dung